IES VNTECH

MÀNG LỌC MBR
MBR Filter Modules

PRODUCT CATALOG

Dạng Ngắn



ML4M | ML6M

Dạng Dài



ML960 | ML3M | ML5M | ML8M | ML12M

- Hiệu Suất Lọc Cao
- Độ Bền ≥ 600N
- Ổn Định Vận Hành
- Tiết Kiệm Chi Phí

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | 093 797 0889 – 082 864 8808

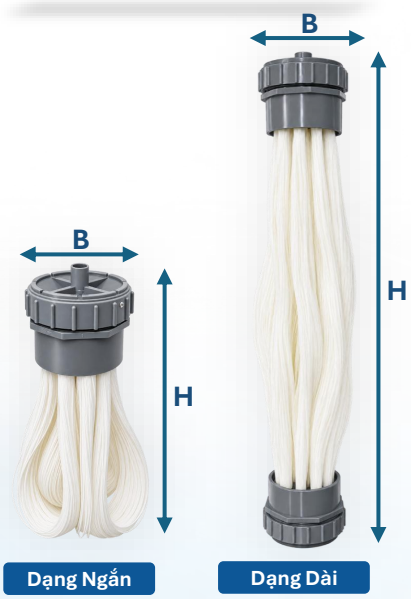
Tổng Quan Sản Phẩm

IES VNTECH

Thông số	Đơn vị	Sản Phẩm (Loại Ngắn)	
		ML4M	ML6M
Kích thước	mm	~165*60	~200*60
Kết nối đầu hút	mm	Ø27 mm	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng	-	uPVC	uPVC
Diện tích màng	m^2	**4**	**6**
Lưu lượng làm việc tối đa	Lít/ ngày	**3750**	**5750**

Thông số	Đơn vị	Sản Phẩm (Loại Dài)				
		ML960	ML3M	ML5M	ML8M	ML12M
Kích thước	mm	~52*1200	~104*1200	~131*1300	~165*1300	~200*1200
Kết nối đầu hút	mm	Ø21 mm	Ø21 mm	Ø27 mm	Ø27 mm	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng	-	uPVC	uPVC	uPVC	uPVC	uPVC
Diện tích màng	m^2	**1**	**3**	**5**	**8**	**12**
Lưu lượng làm việc tối đa	Lít/ ngày	**960**	**2800**	**4500**	**7500**	**11500**

Phân Loại



Kích thước

Model	B(mm)	H(mm)
ML960	52	1200
ML3M	104	1200
ML4M	165	60
ML5M	131	1300
ML6M	200	60
ML8M	165	1300
ML12M	200	1200

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | **093 797 0889 – 082 864 8808**

Model ML960

IES VNTECH



Sản Phẩm		ML960
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~52*1200 mm
	Kết nối đầu hút	Ø21 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		**960 lít/ ngày**
Tham số màng	Diện tích màng	**1 m^2**
	Kích thước lỗ màng	0.034 μm
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	≥ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm^3/ diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)

- ***Vật liệu PVDF***
- ***Lỗ màng 0.034 µm***
- ***Độ Bền Kéo ≥ 600N***
- ***Tuổi thọ cao***

Model	B(mm)	H(mm)	Diện tích màng (m^2)
ML960	52	1200	1
ML3M	104	1200	3
ML4M	165	60	4
ML5M	131	1300	5
ML6M	200	60	6
ML8M	165	1300	8
ML12M	200	1200	12

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | **093 797 0889 – 082 864 8808**

Model ML3M

IES VNTECH



Sản Phẩm		ML3M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~104*1200 mm
	Kết nối đầu hút	Ø21 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		**2800 lít/ ngày**
Tham số màng	Diện tích màng	**3 m^2**
	Kích thước lỗ màng	0.034 μm
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	≥ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm^3/ diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)

- ***Vật liệu PVDF***
- ***Lỗ màng 0.034 µm***
- ***Độ Bền Kéo ≥ 600N***
- ***Tuổi thọ cao***

Model	B(mm)	H(mm)	Diện tích màng (m^2)
ML960	52	1200	1
ML3M	104	1200	3
ML4M	165	60	4
ML5M	131	1300	5
ML6M	200	60	6
ML8M	165	1300	8
ML12M	200	1200	12

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | **093 797 0889 – 082 864 8808**

Model ML4M

IES VNTECH



Sản Phẩm		ML4M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~165*60 mm
	Kết nối đầu hút	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		**3750 lít/ ngày**
Tham số màng	Diện tích màng	**4 m^2**
	Kích thước lỗ màng	0.034 μm
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	≥ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm^3/ diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)

- ***Vật liệu PVDF***
- ***Lỗ màng 0.034 µm***
- ***Độ Bền Kéo ≥ 600N***
- ***Tuổi thọ cao***

Model	B(mm)	H(mm)	Diện tích màng (m^2)
ML960	52	1200	1
ML3M	104	1200	3
ML4M	165	60	4
ML5M	131	1300	5
ML6M	200	60	6
ML8M	165	1300	8
ML12M	200	1200	12

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | **093 797 0889 – 082 864 8808**

Model ML5M

IES VNTECH



Sản Phẩm		ML5M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~131*1300 mm
	Kết nối đầu hút	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		**4500 lít/ ngày**
Tham số màng	Diện tích màng	**5 m^2**
	Kích thước lỗ màng	0.034 μm
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	≥ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm^3/ diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)

- ***Vật liệu PVDF***
- ***Lỗ màng 0.034 µm***
- ***Độ Bền Kéo ≥ 600N***
- ***Tuổi thọ cao***

Model	B(mm)	H(mm)	Diện tích màng (m^2)
ML960	52	1200	1
ML3M	104	1200	3
ML4M	165	60	4
ML5M	131	1300	5
ML6M	200	60	6
ML8M	165	1300	8
ML12M	200	1200	12

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | **093 797 0889 – 082 864 8808**

Model ML6M

IES VNTECH



Sản Phẩm		ML6M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~200*60 mm
	Kết nối đầu hút	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		**5750 lít/ ngày**
Tham số màng	Diện tích màng	**6 m^2**
	Kích thước lỗ màng	0.034 μm
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	≥ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm^3/ diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)

- ***Vật liệu PVDF***
- ***Lỗ màng 0.034 µm***
- ***Độ Bền Kéo ≥ 600N***
- ***Tuổi thọ cao***

Model	B(mm)	H(mm)	Diện tích màng (m^2)
ML960	52	1200	1
ML3M	104	1200	3
ML4M	165	60	4
ML5M	131	1300	5
ML6M	200	60	6
ML8M	165	1300	8
ML12M	200	1200	12

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | **093 797 0889 – 082 864 8808**

Model ML8M

IES VNTECH



Sản Phẩm		ML8M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~165*1300 mm
	Kết nối đầu hút	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		**7500 lít/ ngày**
Tham số màng	Diện tích màng	**8 m^2**
	Kích thước lỗ màng	0.034 μm
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	≥ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm^3/ diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)

- ***Vật liệu PVDF***
- ***Lỗ màng 0.034 μm***
- ***Độ Bền Kéo ≥ 600N***
- ***Tuổi thọ cao***

Model	B(mm)	H(mm)	Diện tích màng (m^2)
ML960	52	1200	1
ML3M	104	1200	3
ML4M	165	60	4
ML5M	131	1300	5
ML6M	200	60	6
ML8M	165	1300	8
ML12M	200	1200	12

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | **093 797 0889 – 082 864 8808**

Model ML12M

IES VNTECH



Sản Phẩm		ML12M
Kích thước	Đường Kính*Chiều dài	~200*1200 mm
	Kết nối đầu hút	Ø27 mm
Vật liệu cố định màng		uPVC
Lưu lượng làm việc tối đa		**11500 lít/ ngày**
Tham số màng	Diện tích màng	**12 m^2**
	Kích thước lỗ màng	0.034 μm
	Vật liệu	Poly vinylidene fluoride (PVDF, lớp lót PET)
	Độ bền kéo vật liệu màng	≥ 600 N
	Chế độ lưu trữ nước	Hút hai đầu màng
	Chế độ lọc	Hút áp suất âm
Điều kiện hoạt động	Áp suất xuyên màng	0.02~0.05 MPa
	Áp suất rửa ngược tối đa	0.1 MPa
	Nhiệt độ nước	10~45°C
	Phạm vi pH	5~9
	Lưu lượng khí sục chuẩn Nm^3/ diện tích dự kiến	15:1~20:1
Hiệu suất	Nước đầu ra	Độ đục <0,3NTU SS≈0 SDI<4 (SS: Chất rắn lơ lửng – SDI: Mật độ bùn)
	Thời gian làm việc	5~7 năm (tuỳ vào vận hành)

- ***Vật liệu PVDF***
- ***Lỗ màng 0.034 μm***
- ***Độ Bền Kéo ≥ 600N***
- ***Tuổi thọ cao***

Model	B(mm)	H(mm)	Diện tích màng (m^2)
ML960	52	1200	1
ML3M	104	1200	3
ML4M	165	60	4
ML5M	131	1300	5
ML6M	200	60	6
ML8M	165	1300	8
ML12M	200	1200	12

CÔNG TY TNHH IES VNTECH

www.iesvntech.com | **093 797 0889 – 082 864 8808**